

KINH SỐ 3¹

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở cạnh hồ Lôì thanh², nước Chiêm-bà³.

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ⁴ sống một nơi vắng, tự tu gốc pháp, không bỏ mười hai pháp hạnh Đầu-đà, đêm ngày kinh hành, không lìa giáo lý ba mươi bảy Phẩm trợ đạo. Hoặc ngồi, hoặc đi, thường tu chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, thường tự cố gắng không bỏ một giây. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu.

Lúc bấy giờ, chỗ mà Tôn giả Thập Nhị Úc Nhĩ kinh hành, máu từ bàn chân bị nát chảy đầy tràn cả lễ đường, giống như chỗ mỡ trâu. Qua, điều đến ăn máu. Song tâm vẫn không được giải thoát khỏi dục, các pháp hữu lậu. Rồi Tôn giả Nhị Thập Úc tự nghĩ: “Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ.”

Bấy giờ, Thế Tôn từ xa biết được những gì Nhị Thập Úc Nhĩ suy nghĩ, liền lướt qua hư không mà đi, đến chỗ Tôn giả kinh hành, trải tọa cụ mà ngồi. Khi đó, Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đến trước chỗ Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ:

–Vừa rồi ông vì cớ gì mà nghĩ rằng: “Trong những người đệ tử khổ hành tinh tấn của Đức Phật Thích-ca, ta là người đứng đầu. Song nay tâm của ta vẫn không được giải thoát khỏi các lậu. Vả lại, gia nghiệp ta nhiều tiền của. Ta nên xả bỏ pháp phục, trở về làm bạch y, đem tiền của bố thí rộng rãi. Chứ làm Sa-môn như hiện nay thật khó, không dễ”?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Nay Ta hỏi lại ông, ông tùy đó trả lời Ta. Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, trước kia khi còn tại gia ông giỏi khảy đàn chăng?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Trước kia khi còn tại gia con khảy đàn rất giỏi.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Nhị Thập Úc Nhĩ, nếu dây đàn căng quá thì âm hưởng không đều. Khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Úc Nhĩ đáp :

–Thưa không, Thế Tôn.

¹. Tham chiếu, Pāli, A IV 55 Soṇa (R. iii. 375). Hán, Trung 29 (T1n26, tr. 611c28); Tạp 9 (T2n99, tr. 62b22).

². Lôì thanh trì. Pāli: Gaggarā-pokkharāṇī, một ao sen ở Campā.

³. Chiêm-ba 占波. Pāli: Campā. Cf. Pāli, ibid. Phật trú tại Rājagaha, trên Gijjhakūṭa. Trung 29, Phật tại Xá-vệ.

⁴. Nhị Thập Úc Nhĩ 二十億耳. Truyện kể chi tiết, xem Tú Phần 38 (T22n1428, 843b12 tt), Nhân Duyên Thủ-lung-na 守籠那. Pāli: Soṇa Kojivīsa.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Nhị Thập Ưc Nhĩ, nếu dây đàn lại chùng, khi đó tiếng đàn nghe có hay không?

Nhị thập Ưc Nhĩ đáp:

–Thưa không, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

–Thế nào, Nhị Thập Ưc Nhĩ, nếu dây đàn không căng không chùng, khi đó âm đàn nghe có hay không?

Nhị Thập Ưc Nhĩ đáp:

–Thưa vâng, Thế Tôn. Nếu dây đàn không chùng, không căng, lúc ấy âm đàn nghe rất hay.

Thế Tôn bảo:

–Ở đây cũng như vậy. Quá tinh tấn, cũng bằng như trạo cử⁵. Nếu lưỡi biếng, đây sẽ rơi vào tà kiến. Nếu có thể ở giữa, đó là hành bậc thượng. Như vậy không lâu sẽ thành người vô lậu.

Thế Tôn sau khi thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Nhị Thập Ưc Nhĩ xong, trở về bên bờ hồ Lô-âm⁶.

Bấy giờ, Tôn giả Nhị Thập Ưc Nhĩ suy nghĩ những gì Thế Tôn đã dạy bảo, ở nơi nhàn tịnh, liên tục không ngừng tu hành pháp đó, vì mục đích mà thiện gia nam tử xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu phạm hạnh vô thượng, cho đến như thật biết rằng: “Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.” Tôn giả Nhị Thập Ưc Nhĩ đã thành A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Đệ tử siêng năng, đệ nhất khổ hạnh trong hàng Thanh văn của Ta chính là Nhị Thập Ưc Nhĩ⁷.

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật thuyết pháp, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 4⁸

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở trong thành Xá-vệ, trưởng giả Sa-đề⁹ mắc bệnh, mạng chung. Nhưng trưởng giả đó không có con cái, nên mọi tài bảo đều nhập hết vào cung.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc người dính đầy bụi bặm, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Thế Tôn hỏi vua:

–Đại vương, vì sao đi đến Ta với thân hình đầy bụi bặm?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

5. Nguyên Hán: Diệu hý 調戲.

6. Lô-âm 雷音, đầu kinh nói Lô-âm thanh.

7. Xem trên, kinh số 2, phẩm 4. Pāli, A I 14.2 (R. i. 23): Āraddhavīriyānaṃ yadidaṃ soṇo Koḷivīso.

8. Tham chiếu Pāli, S. 3. 20 Aputtaka (R. i. 91). Hán, Tạp 46 (T2n99, tr. 337b24).

9. Đệ bản: Bà-đề trưởng giả 婆提長者, phiên âm, nên đọc là sa. Pāli: Setṭhi-gahapati. Tạp 44: Trưởng giả tên Ma-ha-nam 摩訶男.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Bà-đề, hôm nay mạng chung. Ông không có con cái. Con tự thân đến trừng trâu tài sản, xử lý nhập cung. Riêng vàng ròng tám vạn cân, hưởng chi những tạp vật khác. Nhưng trưởng giả kia ngày còn sống, ăn những đồ ăn rất là tệ dở, không ăn thứ ngon. Những y phục ông mặc thì cấu bẩn, không sạch. Con ngựa kéo xe cho ông thật gầy yếu.

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương! Như vua vừa nói. Phàm người tham lam keo kiệt được tiền của này không dám ăn, không cho cha mẹ, vợ con, tớ hầu, nô tỳ. Cũng lại không cho bằng hữu quen biết. Cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng. Nếu người có trí có được tằng bảo này, thì hay huệ thí, cứu giúp rộng rãi, tất cả không chút gì luyến tiếc, cung cấp Sa-môn Bà-la-môn và các vị cao đức.

Khi đó vua Ba-tư-nặc hỏi:

–Trưởng giả Bà-đề này, mạng chung bị sinh vào chốn nào?

Thế Tôn bảo:

–Trưởng giả Bà-đề này, mạng chung sẽ sinh vào trong đại địa ngục Thế khốc¹⁰. Vì sao? Vì người này đoạn mất thiện căn, nên thân hoại mạng chúng sinh vào trong địa ngục Thế khốc.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

–Trưởng giả Bà-đề đoạn thiện căn sao?

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, đại vương! Như vua đã nói, trưởng giả kia đã đoạn mất thiện căn. Song trưởng giả kia phước cũ đã hết không tạo lại cái mới.

Vua Ba-tư-nặc hỏi:

–Trưởng giả kia còn sót lại phước nào không?

Thế Tôn bảo:

–Không, đại vương! Không còn sót mảy may nào tồn tại. Như người nhà nông kia chỉ thu mà không trồng, nên sau lại bị khốn cùng, dần dà cho đến chết. Vì sao? Vì chỉ tiêu sài sản nghiệp cũ mà không tạo mới. Trưởng giả này cũng như thế, chỉ hưởng phước cũ lại không tạo của mới. Đem nay, trưởng giả này sẽ vào trong địa ngục Thế khốc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, trong lòng lo sợ, lau nước mắt mà thưa:

–Trưởng giả này ngày trước đã tạo ra công đức phước nghiệp gì mà được sinh vào nhà giàu có, lại đã tạo ra gốc rễ bất thiện nào mà không hưởng được của cải cực giàu này, cũng không vui thú trong ngũ dục?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

–Vào quá khứ xa xưa, thời Phật Ca-diếp, trưởng giả này ở trong thành Xá-vệ, là con nhà nông. Sau khi Đức Phật nhập diệt, có Bích-chi-phật xuất hiện ở đời, đến nhà của trưởng giả này. Khi trưởng giả này thấy Bích-chi-phật đứng ở trước cửa, liền tự nghĩ: “Như Tôn giả này xuất hiện ở đời rất khó. Nay ta hãy đem đồ ăn thức uống đến bố thí người này.”

Bấy giờ trưởng giả bố thí cho vị Bích-chi-phật kia. Vị Bích-chi-phật này ăn xong, liền bay lên hư không mà đi.

Khi trưởng giả đó thấy vị Bích-chi-phật hiện thần túc, liền phát thệ nguyện như

¹⁰. Thế khốc địa ngục 涕哭地獄; cũng gọi là Đê khốc hay Khiếu hoá 叫喚. Xem Trường 19 (T1n1, tr. 121c6, 123c29). Pāli: Roruva, cf. S. i. 30.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vậy: “Nguyện đem gốc thiện này, khiến cho đời đời sinh ở chỗ nào cũng không đọa vào ba đường dữ, thường nhiều của báu.” Sau đó lại có tâm hối tiếc: “Những thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho nô bộc chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn.” Trưởng giả nhà nông lúc đó há là người nào khác chăng? Chớ có nghĩ vậy. Trưởng giả nhà nông lúc đó, nay chính là trưởng giả Bà-đề này.

Khi đó thí xong, phát thệ nguyện này, do công đức này, ông sinh ra nơi cũng không đọa đường dữ, thường nhiều của, lắm báu, sinh nhà phú quý, không thiếu thốn một thứ gì. Nhưng sau khi đã bố thí, lại sinh tâm hối: “Đáng lẽ ta cho nô bộc ăn, chứ không cho đạo nhân đầu trọc này ăn.”

Vì do nguyên nhân này, nên ông không hưởng được của cực giàu này, cũng không thích sống trong năm dục. Tự mình không cúng dường, lại không cho cha mẹ, anh em, vợ con, tớ hầu, bạn bè quen biết; không bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các vị tôn trưởng. Chỉ hưởng nghiệp cũ mà không tạo cái mới. Đại vương, cho nên kẻ có trí được của cải này nên ban thí khắp, đừng có tiếc nuối, rồi sẽ được của cải vô số. Đại vương, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Từ nay về sau, con sẽ bố thí khắp cho Sa-môn, Bà-la-môn, chúng bốn bộ. Nhưng các dị học ngoại đạo đến cầu thực, con không thể cho.

Thế Tôn bảo:

–Đại vương, chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại. Nếu không ăn thì sẽ bị chết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ như vậy:

*Nên niệm bố thí khắp
Mãi chẳng dứt tâm thí
Ắt sẽ gặp Hiền thánh
Độ nguồn sinh tử này.*

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Nay con lại càng rất hoan hỷ hưởng về Như Lai. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều do thức ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc nói:

–Từ nay về sau con sẽ bố thí khắp, không có gì hối tiếc.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc xong, vua từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Phật, rồi lui về.

Vua Ba-tư-nặc sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5¹¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở nơi nhàn tịnh, tự nghĩ như vậy: “Thế gian có hương này

¹¹. Tham chiếu Pāli, A iii 79 Gandha (R. i. 225).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chăng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió¹²?”

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

–Con ở nơi nhàn tịnh tự nghĩ: “Thế gian có hương này chẳng, hương ngược gió, hương xuôi gió, hương vừa ngược vừa xuôi gió?”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Có diệu hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch Thế Tôn:

–Đây là loại hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?

Thế Tôn bảo:

–Có loại hương này, mà hơi của nó là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch Phật:

–Đó là những hương nào, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió?

Thế Tôn bảo:

–Có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió.

A-nan bạch:

–Ba loại đó là những gì?

Thế Tôn bảo:

–Hương giới, hương văn, hương thí. Nay A-nan, đó là có ba loại hương này, là hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Cũng như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có tô, từ tô có đề hồ, nhưng đề hồ này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp. Ở đây cũng vậy, trong các loại hương thơm có được trong thế gian, ba loại hương này là tối thắng, tối thượng, không thứ gì sánh bằng, không thứ gì bì kịp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Mộc mật và chiêm-đàn
Ưu-bát và các hương
Trong hết thấy hương này
Hương giới là tối thắng.
Thành tựu được giới này
Không dục, không bị nhiễm
Chánh trí mà giải thoát
Chỗ đi, ma chẳng biết.
Hương này tuy tuyệt diệu*

¹². Pāli, ibid., ba loại hương này: Hương của rễ (mūlagandho), hương của lõi (sāragandho), hương của hoa (pupphagandho), chỉ thơm theo chiều. Có hương nào ngược gió cũng thơm, vừa ngược vừa xuôi gió cũng thơm?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Là các hương đàn, mật
Nhưng hương giới tối diệu
Mười phương đều nghe biết.
Chiên-đàn tuy có hương
Ưu-bát và các hương
Ở trong các hương này
Hương vẫn là đệ nhất.
Chiên-đàn tuy có hương
Ưu-bát và các hương
Ở trong các hương này
Hương thì là đệ nhất.*

Đó gọi là có ba loại hương này, hương vừa ngược gió, hương vừa xuôi gió và hương vừa ngược vừa xuôi theo gió. Cho nên, này A-nan, hãy tìm cầu phương tiện thành tựu ba hương này.

Này A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo.

Đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát, vào thành La-duyệt khát thực. Khi đó, Đề-bà-đạt-đâu cũng vào thành khát thực. Khi Đề-bà-đạt-đâu vào ngõ hẻm, Phật cũng đến đó. Nhưng Phật từ xa thấy Đề-bà-đạt-đâu tới, liền muốn đi lui lại. A-nan bạch Thế Tôn:

– Vì sao Thế Tôn muốn tránh đi hẻm này?

Thế Tôn bảo:

– Đề-bà-đạt-đâu đang ở hẻm này, cho nên phải tránh đi.

A-nan bạch Phật:

– Thế Tôn há sợ Đề-bà-đạt-đâu sao?

Thế Tôn bảo:

– Ta không sợ Đề-bà-đạt-đâu, nhưng người xấu này không nên gặp gỡ.

A-nan bạch rằng:

– Nhưng, Thế Tôn có thể khiến Đề-bà-đạt-đâu này đi phương khác.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

*Ta trọn không tâm này
Khiến kia đi phương khác
Nơi đó y gây nghiệp
Tự tại theo ý mình.*

A-nan bạch Thế Tôn:

– Nhưng Đề-bà-đạt-đâu có lỗi đối với Như Lai.

Thế Tôn bảo:

– Không nên gặp người ngu hoặc.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Khi đó Đức Thế Tôn quay sang A-nan mà nói kệ này:

*Không nên gặp người ngu
Đừng a tòng người ngu
Cũng đừng cùng thảo luận
Tranh luận chuyện thị phi.*

Khi đó, A-nan lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

*Người ngu khả năng gì?
Người ngu có lỗi gì?
Giả sử cùng ngôn luận,
Kết cuộc thất thố gì?*

Bấy giờ, Thế Tôn lại dùng kệ này đáp:

*Người ngu tự gây nghiệp
Việc làm đều phi pháp
Chánh kiến phản luật thường
Tà kiến ngày càng thêm.*

Cho nên, này A-nan, chớ tòng sự với ác tri thức. Vì sao? Vì tòng sự với người ngu, sẽ không có tín, không giới, không văn, không trí. Tòng sự Thiệt tri thức càng tăng thêm công đức, giới được thành tựu đầy đủ.

Này A-nan, hãy học điều này như vậy.

A-nan sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 7

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt, cùng với năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường xuyên cung cấp cho Đề-bà-đạt-đâu năm trăm chỗ cơm. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đâu danh vang bốn phương, giới đức trọn vẹn, danh xưng đầy đủ, mới có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Khi các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đâu đã được lợi dưỡng này, họ đến bạch Thế Tôn:

– Nhân dân trong nước ca ngợi Đề-bà-đạt-đâu nổi tiếng khắp nơi, mới khiến cho vua A-xà-thế thường xuyên đến cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các ông chớ ôm lòng ham muốn lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đâu này. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đâu là người ngu gây ra ba sự này, các hành vi của thân, miệng, ý, nhưng không hề kinh sợ, cũng không sợ hãi. Như Đề-bà-đạt-đâu hiện nay là người ngu nên tiêu hết các công đức thiện. Như bắt chó dữ mà đánh vào mũi nó, càng làm nó hung dữ thêm. Người ngu Đề-bà-đạt-đâu cũng như vậy, nhận lợi dưỡng này liền nổi lên cống cao. Cho nên, này các Tỳ-kheo, cũng đừng khởi lên ý tưởng đắm trước lợi dưỡng. Tỳ-kheo nào đắm trước lợi dưỡng thì không được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là không thành tựu giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh. Tỳ-kheo nào không đắm vào lợi dưỡng thì sẽ được ba pháp. Ba pháp gì? Đó là thành tựu giới Hiền thánh, Tam-muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh. Nếu thành tựu được ba pháp này sẽ phát thiện tâm, không đắm vào lợi

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

dưỡng.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 8

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba bất thiện căn này. Những gì là ba? Tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn¹³. Tỳ-kheo nào có ba gốc rễ bất thiện này sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Những gì là ba? Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Như vậy, Tỳ-kheo, nếu người nào có ba gốc rễ bất thiện này thì sẽ có ba đường dữ.

Tỳ-kheo nên biết, có thiện căn này. Những gì là ba? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn¹⁴. Tỳ-kheo, đó gọi là có thiện căn. Người nào có ba gốc thiện này, liền có hai nẻo lành và Niết-bàn là ba. Những gì là hai nẻo lành? Đó là người và trời. Tỳ-kheo, đó gọi là ai có ba thiện này, sẽ sinh vào chỗ lành này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy lìa ba gốc rễ bất thiện, tu ba gốc rễ thiện.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 9

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tụ này. Những gì là ba? Đó là chánh tụ¹⁵, tà tụ, bất định tụ.¹⁶

Sao gọi là chánh tụ*? Có đẳng kiến¹⁷, đẳng tri, đẳng ngữ, đẳng nghiệp, đẳng mạng, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định. Đó gọi là chánh tụ.

Sao gọi là tà tụ? Nghĩa là có tà kiến, tà tri, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó gọi là tà tụ.

¹³. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 376b12). Pāli, A III 69 (R. i. 201): Tīṇimāni akusalamūlāni: Lobho akusalamūlaṃ, doso akusalamūlaṃ, moho aku-salamūlaṃ.

¹⁴. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 376c21) Pāli, Ibid. (R.i. 203): Tīṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni: Alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, a-moho kusalamūlaṃ.

¹⁵. Nguyên Hán: Đẳng tụ 等聚.

¹⁶. Cf. Trường 8 (T1n1, tr. 50b18): Ba tụ: Chánh định tụ 正定聚, tà định tụ 邪定聚, bất định tụ 不定聚; Tập Dị 4 (T26n1536, tr. 381a1). Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 217): Tayo rāsī-micchattaniyato rāsī, sammattaniyato rāsī, aniyato rāsī.

¹⁷. Đẳng kiến 等見. Trên kia, có chỗ nói là chánh kiến.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Sao gọi là bất định tụ? Nghĩa là có chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Tận, chẳng biết Đạo, chẳng biết đấng tụ, chẳng biết tà tụ. Đó gọi là bất định tụ.

Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba tụ. Những gì là ba? Nghĩa là có thiện tụ, đấng tụ, định tụ.

Sao gọi là thiện tụ? Chính là ba thiện căn. Những thiện căn nào? Vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn. Đó gọi là thiện tụ.

Sao gọi là đấng tụ? Chính là tám Đạo phẩm của Hiền thánh gồm: Đẳng kiến, đấng trị, đấng ngữ, đấng nghiệp, đấng mạng, đấng phương tiện, đấng Tam-muội. Đó gọi là đấng tụ.

Sao gọi là định tụ? Nghĩa là có biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo, biết thiện tụ, biết ác tụ¹⁸, biết định tụ. Đó gọi là định tụ.

Cho nên, các Tỳ-kheo, ở trong ba tụ này, hãy tránh tà tụ và bất định tụ. Hãy phụng hành chánh tụ này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba quán tưởng này. Những gì là ba? Quán dục tưởng, sân nhuế tưởng, sát hại tưởng¹⁹. Tỳ-kheo đó gọi là ba tưởng.

Tỳ-kheo nên biết, nếu người quán dục tưởng, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục. Nếu quán sân nhuế tưởng, khi mạng chung sẽ sinh trong loài súc sinh, thuộc vào các loài gà, chó; sinh trong các loài rắn, trùng. Nếu quán sát hại tưởng, khi mạng chung sẽ sinh trong loài ngựa quỷ, thân hình bị thiêu đốt, đau khổ không thể kể được. Tỳ-kheo, đó gọi là có ba tưởng này, sẽ sinh vào trong địa ngục, ngựa quỷ, súc sinh.

Lại có ba tưởng. Những gì là ba? Đó là tưởng xuất ly, tưởng không sát hại, tưởng không sân nhuế²⁰. Nếu người nào có tưởng xuất ly, khi mạng chung sẽ sinh trong loài người. Nếu người nào có tưởng không sát hại, khi mạng chung sẽ sinh lên trời một cách tự nhiên. Nếu người nào có tưởng không sân nhuế, khi mạng chung, đoạn trừ năm kết sử, ở nơi kia²¹ nhập Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo đó gọi là ba tưởng, hãy thường niệm tu hành. Hãy xa lìa ba ác tưởng này.

Này các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

¹⁸. Để bản: Ác thú 惡趣.

¹⁹. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377a26): Ba bất thiện tâm 三不善尋 : Dục tâm 欲尋, nhuế tâm 恚尋, hại tâm 害尋. Cf. D 27 Saṅgīti (R.iii. 215): Tayo akusalavitakkā–kāṃavitakko, byāpādavitakko, vihiṃsā-vitakko.

²⁰. Cf. Tập Dị 3 (T26n1536, tr. 377b8): Ba thiện tâm 三善尋 : Xuất ly tâm 出離尋, vô nhuế tâm 無恚尋, vô hại tâm 無害尋. Pāli, ibid., Tayo kusalavitakkā–nekkhamavitakko, abyāpādavitakko, avihimsā-vitakko.

²¹. Trong năm Tịnh cư thiên.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

M

Kệ tóm tắt:

*Địa chủ, Bà-câu, Nhĩ,
Bà-đề, hương thuận nghịch
Ngu, thế, ba bất thiện,
Ba tụ, quán sau cùng.*

